

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 23/5/2022

V/v “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Cảnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Thế Ứng.

Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Ông **Phạm Hồng T**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Hồng T chung sống với nhau vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và ông T đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Phạm Hồng T.

Về con chung: Bà và ông Phạm Hồng T có 02 con chung tên Phạm Hồng X, sinh ngày 22/5/1997 và Phạm Yến N, sinh ngày 29/5/2000. Các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Phạm Hồng T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* *Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn bà Lê Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Phạm Hồng T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị H là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

Sau khi Tòa án thụ lý đơn xin ly hôn của bà H, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đến cho ông T theo qui định của pháp luật, nhưng ông T không có văn bản trả lời, cũng không cung cấp chứng cứ có liên quan đến vụ việc. Khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”, bị đơn ông Phạm Hồng T có hộ khẩu thường trú tại ấp Q, xã T, Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Phạm Hồng T chung sống với nhau vào năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn. Hai người chung sống đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Xét thấy ông bà chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị H và ông Phạm Hồng T là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung:

Trong thời gian chung sống bà H và ông T có 02 con chung tên là Phạm Hồng X, sinh ngày 22/5/1997 và Phạm Yến N, sinh ngày 29/5/2000. Xét thấy cả 02 người con của bà H hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị H và ông Phạm Hồng T là quan hệ vợ chồng.
2. Về con chung: Con chung Phạm Hồng X, sinh ngày 22/5/1997 và Phạm Yên N, sinh ngày 19/5/2000 đến nay đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002251 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên bà H đã nộp xong án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H và ông Phạm Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.
6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự: H, T;
- UBND xã T, Tx.Cai Lậy;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Cảnh

